

THCS TRẦN VĂN ĐANG

TỔ NGŨ VĂN

NHÓM NGŨ VĂN 8

NỘI DUNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN

TUẦN 12 (22/11 – 27/11/2021)

TUẦN 12 22/11 - 27/11	TIẾT 45	TIẾT 46	TIẾT 47	TIẾT 48
	Câu ghép	Tìm hiểu chung về văn thuyết minh	Thông tin Trái Đất năm 2000	Chương trình địa phương (phần Văn)

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP :

1. Trước mỗi buổi học, các em đọc trước phần Lý thuyết của mỗi bài học trong SGK và trong tài liệu này.
2. Sau các buổi học trực tuyến, các em hoàn thành phần Bài tập trong tài liệu này, nộp cho GV qua địa chỉ mail hoặc zalo của GV. Bài làm có thể đánh máy hoặc viết tay. **Chú ý ghi rõ họ tên và lớp của các em khi nộp bài.**

--

PHẦN LÝ THUYẾT

TIẾT 45 : CÂU GHÉP

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Nắm được đặc điểm của câu ghép, cách nối các vế câu ghép.
- Biết sử dụng câu ghép phù hợp với yêu cầu giao tiếp.

Lưu ý: Học sinh đã học về câu ghép ở Tiểu học.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức:

- Đặc điểm của câu ghép
- Cách nối các vế câu ghép.

2. Kỹ năng:

- Phân biệt câu ghép với câu đơn và câu mở rộng thành phần.
- Sử dụng câu ghép phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.
- Nối được các vế của câu ghép theo yêu cầu.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung:

Câu ghép là những câu do hai hay nhiều cụm C - V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C - V này được gọi là một vế câu.

Có 2 cách nối các vế câu :

- Dùng những từ ngữ có tác dụng nối. Cụ thể :

- + Nối bằng một quan hệ từ;
- + Nối bằng một cặp quan hệ từ;
- + Nối bằng một cặp phó từ; đại từ hay chỉ từ thường đi đôi với nhau (cặp từ hô ứng)
- Không dùng từ nối: Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.

2. Luyện tập

- Nhận diện câu ghép
 - Đặt câu ghép
 - Viết đoạn văn có sử dụng câu ghép
-

TIẾT 46: TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN THUYẾT MINH

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

Nắm được đặc điểm, vai trò, tác dụng của văn bản thuyết minh.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1.Kiến thức:

- Đặc điểm của văn bản thuyết minh.
- Ý nghĩa, phạm vi sử dụng của văn bản thuyết minh.
- Yêu cầu của bài văn thuyết minh (về nội dung, ngôn ngữ....)

2. Kỹ năng:

- Nhận biết văn bản thuyết minh; phân biệt văn bản thuyết minh và các kiểu văn bản đã học trước đó.
- Trình bày các tri thức có tính chất khách quan, khoa học thông qua những tri thức của môn Ngữ văn và các môn học khác.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1Tìm hiểu chung:

Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức (kiến thức) về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân ... của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày giới thiệu, giải thích.

Tri thức trong văn bản thuyết minh đòi hỏi khách quan, xác thực, hữu ích cho người.

Văn bản thuyết minh cần được trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẽ và hấp dẫn

2. Luyện tập

- Nhận diện văn bản thuyết minh
- Phân biệt văn bản thuyết minh với văn bản tự sự, nghị luận

TIẾT 47: THÔNG TIN TRÁI ĐẤT NĂM 2000

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Thấy được ý nghĩa to lớn của việc bảo vệ môi trường. Từ đó có những suy nghĩ và hành động tích cực về vấn đề xử lí rác thải sinh hoạt.
- Thấy được tính thuyết phục trong cách thuyết minh và những kiến nghị mà tác giả đề xuất trong văn bản.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức:

- Mối nguy hại đến môi trường sống và sức khỏe con người của thói quen dùng túi nilông.
- Tính khả thi trong những đề xuất được tác giả giải trình.
- Việc sử dụng từ ngữ dễ hiểu, sự giải thích đơn giản mà sáng tỏ và bố cục chặt chẽ, hợp lí đã tạo lên tính thuyết phục của văn bản.

2. Kỹ năng:

- Tích hợp với phần Tập làm văn để tập viết bài văn thuyết minh.
- Đọc – hiểu một văn bản nhật dụng đề cập đến một vấn đề xã hội bức thiết.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Nội dung

- Tác hại của việc sử dụng bao bì nilông.
- Phương pháp hạn chế sử dụng bao bì nilông

2. Nghệ thuật

- Vận dụng phương thức biểu đạt thuyết minh

3. Ý nghĩa văn bản

Lời kêu gọi bình thường : “Một ngày không dùng bao bì nilong” được truyền đạt bằng một hình thức rất trang trọng : “Thông tin về ngày Trái đất năm 2000”. Điều đó cùng với sự giải thích đơn giản mà sáng tỏ về tác hại của việc dùng bao nilông, về lợi ích của việc giảm bớt chất thải nilông, đã gọi cho chúng ta những việc có thể làm ngay để cải thiện môi trường sống, để bảo vệ Trái Đất, ngôi nhà chung của chúng ta.

TIẾT 48: CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Văn)

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Hiểu biết thêm về các tác giả văn học ở địa phương và các tác phẩm văn học viết về địa phương từ sau năm 1975.
- Bước đầu biết thẩm bình và biết được công việc tuyển chọn tác phẩm văn học.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1.Kiến thức:

- Các tìm hiểu về các nhà văn, nhà thơ ở địa phương.
- Cách tìm hiểu về tác phẩm văn thơ viết về địa phương.

2. Kỹ năng:

- Sưu tầm, tuyển chọn tài liệu văn thơ viết về địa phương.
- Đọc- hiểu và thẩm bình thơ văn viết về địa phương.
- Biết cách thống kê tài liệu, thơ văn viết về địa phương.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

HS luyện tập theo hướng dẫn của giáo viên

PHẦN BÀI TẬP

1) *Viết một đoạn văn ngắn (khoảng ½ trang giấy), theo cách diễn dịch hoặc quy nạp, sử dụng câu chủ đề: “Rác thải ni-lông có hại đối với môi trường sống.”*

2) *. Gạch chân những câu ghép trong các đoạn văn sau. Chỉ ra quan hệ giữa các vế trong câu ghép*

a Hoa mận vừa tàn thì mùa xuân đến. Bầu trời ngày thêm xanh. Nắng vàng ngày càng rực rỡ. Vườn cây lại đâm chồi nảy lộc. Rồi vườn cây ra hoa. Hoa bưởi nồng nàn, hoa nhãn ngọt, hoa cau thoảng qua. Vườn cây lại đầy tiếng chim và bóng chim bay nhảy. Những thím chích choè nhanh nhẩu, những chú khướu lăm điều, những anh chào mào đom đóm, những bác cu gáy trầm ngâm.

Chú chim sâu vui cùng vườn cây và các loài chim bạn. Nhưng trong trí thơ ngây của chú còn mãi sáng ngời hình ảnh một cảnh hoa mận trắng, biết nở cuối đông để báo trước mùa xuân tới.

(Trích “Mùa xuân đến” – Nguyễn Kiên)

b) Tiếng trống thu không trên cái chợ của huyện nhỏ, từng tiếng một vang xa để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị. Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.

(Trích “Hai đứa trẻ” – Thạch Lam)

c) Thanh đến bên bể múc nước vào thau rửa mặt. Nước mát rượi và Thanh cúi nhìn bóng chàng lay động trong lòng bể với những mảnh trời xanh tan tác.

Tất cả những kỷ niệm ngày thơ ấu trở lại với chàng. Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn mái tóc bạc phơ và hiền từ.

Trên trường kỷ, ngọn đèn con và cái điều cũ kỹ. Con mèo già cuộn mình nằm bên cạnh, lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã. Thanh trông thấy cảnh ấy đã nhiều lần. Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thông thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đây bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu chàng.

(Trích “Dưới bóng hoàng lan” – Thạch Lam)

d) Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn ; không bao giờ ta thấy họ là những người

đáng thương : không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến cái gì khác đâu. Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ đến ai được nữa.

(Trích “Lão Hạc” – Nam Cao)

3. Thêm vào chỗ trống các quan hệ từ, từ ngữ, vế câu thích hợp để có câu ghép :

- a) Hoa móng ngựa nở trắng trên sườn núi cao hoa mai dẹt vàng hai bên bờ suối.
- b) Hoa phượng nở đỏ rực một góc trời lòng người băng khuâng nhớ về những kỷ niệm dưới mái trường.
- c) nhưng lớp em vẫn đi học đầy đủ.
- d) Tuy sức bạn ấy yếu
- e) Nếu em cố gắng ôn tập tốt
- f) để bố mẹ được vui lòng
- g) Vì nên
- h) Không những mà
- i) bao nhiêu bấy nhiêu.
- k) Dù nhưng
- l) rồi

4 Cho biết các câu ghép sau được nối với nhau bằng cách nào ? Chỉ ra quan hệ giữa các vế trong câu ghép

- a) Trời nổi gió rồi một cơn mưa ập đến
- b) Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp.
- c) Khi hai người lên gác thì Giônxi đang ngủ
- g) Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn.
- e) Chúng em sẽ cố gắng học để thầy cô và cha mẹ vui lòng
- f) Nếu trời không mưa, tuần sau lớp chúng ta sẽ đi cắm trại.
- g) Nó càng nói, mọi người càng bức bối.
- h) Buổi sáng, ba đi làm rồi mẹ đi chợ.
- i) Cây cối tốt tươi nhờ mưa nắng thuận hòa
- k) Em nguyện học tốt để làm vui lòng mẹ cha.
- l) Đến chân núi Sóc Sơn, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa bay về trời.
- m) Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau.

n) Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc.

o) Nếu con chưa đi, cụ nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu thì không khéo thầy con sẽ chết ở đình, chứ không sống được.

p) Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên.
